Vietnam Journal of Community Medicine, Vol. 66, Special Issue 4, 109-115

STATUS OF AWARENESS, VACCINATION, AND FACTORS RELATED TO THE DECISION TO RECEIVE THE HPV VACCINE AMONG STUDENTS OF HANOI MEDICAL UNIVERSITY IN 2023

Dao Thi Thu Ha, Hoang Lan Trinh, Nguyen Le Quynh Thu, Tran Ngoc Kieu
Tran Thi Cam Ly, Le Xuan Hung*

Hanoi Medical University - 1 Ton That Tung, Dong Da district, Hanoi, Vietnam

Received: 15/02/2025
Reviced: 19/3/2025; Accepted: 09/4/2025

ABSTRACT

Objective: The study to assess knowledge, attitudes and factors related to HPV vaccine among students of Hanoi Medical University.

Participants and methods: A cross-sectional study was conducted with 313 students, collecting data about knowledge, attitudes, and behaviors regarding the HPV vaccine through questionnaires.

Results: Female students had a higher awareness of HPV compared to males (55.9% vs. 23.3%). However, the vaccination rate for HPV was similar between male (31.6%) and female (31.7%) students. The main reasons for not getting vaccinated were high costs and concerns about side effects. Female students were more likely to receive the vaccine.

Conclusion: Health education should be strengthened to raise awareness about the HPV vaccine and encourage vaccination, particularly among male students.

Keywords: Status, awareness, students, HPV, HPV vaccine, vaccination decision, Hanoi Medical University.

*Corresponding author
Email: lexuanhung@hmu.edu.vn **Phone:** (+84) 911196443 **Https:**//doi.org/10.52163/yhc.v66iCD4.2336

THỰC TRẠNG NHẬN THỨC, TIÊM PHÒNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN QUYẾT ĐỊNH TIÊM VẮC-XIN HPV CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM 2023

Đào Thị Thu Hà, Hoàng Lan Trinh, Nguyễn Lê Quỳnh Thư, Trần Ngọc Kiều
Trần Thị Cẩm Ly, Lê Xuân Hưng*

Trường Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 15/02/2025
Ngày chỉnh sửa: 19/3/2025; Ngày duyệt đăng: 09/4/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu đánh giá kiến thức, thái độ và các yếu tố liên quan đến vắc-xin HPV của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang trên 313 sinh viên, thu thập dữ liệu qua bảng câu hỏi về kiến thức, thái độ và hành vi liên quan đến vắc-xin HPV.

Kết quả: Nữ sinh viên có tỉ lệ biết về HPV cao hơn nam (55,9% so với 23,3%). Tuy nhiên, tỉ lệ tiêm vắc-xin HPV không khác biệt nhiều giữa nam (31,6%) và nữ (31,7%). Giá thành cao và lo ngại tác dụng phụ là lý do chính không tiêm. Sinh viên nữ có xu hướng tiêm vắc-xin nhiều hơn.

Kết luận: Cần tăng cường giáo dục sức khỏe để nâng cao nhận thức về vắc-xin HPV và thúc đẩy việc tiêm phòng trong cộng đồng sinh viên, đặc biệt là nam giới.

Từ khóa: Thực trạng, nhận thức, sinh viên, HPV, vắc-xin HPV, quyết định tiêm phòng, Trường Đại học Y Hà Nội.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Papillomavirus ở người (HPV) là một bệnh nhiễm trùng da và niêm mạc, lây truyền qua đường tình dục phổ biến nhất trên toàn thế giới [1]. Người ta ước tính rằng khoảng 80% phụ nữ và nam giới có quan hệ tình dục sẽ bị nhiễm một số loại HPV nhất định trong đời [2]. Một số loại HPV nguy cơ cao đã được xác định là tác nhân gây ung thư cổ tử cung ở phụ nữ, ung thư dương vật, ung thư hậu môn ở nam giới và một số loại ung thư khác ở cả nam và nữ [3]. Tổ chức Y tế Thế giới đã công nhận tầm quan trọng của ung thư cổ tử cung và các bệnh liên quan đến HPV ở người là vấn đề sức khỏe cộng đồng toàn cầu, đồng thời nhắc lại khuyến nghị rằng vắc-xin HPV nên được đưa vào Chương trình Tiêm chủng Quốc gia (NIP) [1].

Sinh viên đại học thường trong lứa tuổi từ 18-26 tuổi, có lối sống độc lập, tự do hơn và rất dễ bị phơi nhiễm với virus HPV, trong khi đó nhóm tuổi này trùng khớp với độ tuổi được khuyến nghị tiêm vắc-xin ngừa HPV. Theo một nghiên cứu của Trung Quốc đã chỉ ra rằng sinh viên nữ có nhiều khả năng đã từng nghe nói về vắc-xin ngừa HPV (59,9%) và đã từng tích cực tư vấn về các vấn đề tiêm chủng phòng ngừa HPV (32,5%), hơn 70% sinh viên nam và nữ đã từng được giáo dục kiến thức về giới tính [4]. Tuy nhiên, một tỉ lệ đáng kể sinh viên nam chưa bao giờ nghe nói về HPV (58,2%), các bệnh liên quan đến HPV (50,9%) hoặc vắc-xin phòng HPV (60,5%) [2]. Tại Việt Nam, trong một nghiên cứu về tình hình tiêm vắc-xin HPV của sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe tại Đà Nẵng cho thấy có 86,3% là sinh viên biết thông tin về vắc-xin HPV, nhưng chỉ có 16,5% đã tiêm đủ liều và 2,1% chưa tiêm đủ liều [5].

Trong các nghiên cứu trước đây ở Việt Nam, chủ yếu tập trung nghiên cứu về kiến thức và thực hành về vắc-xin phòng HPV của sinh viên một ngành nào đó của trường y, mà ít tập trung đến sinh viên toàn trường y. Vì vậy chúng tôi thực hiện đề tài nghiên cứu thực trạng, nhận thức và một số yếu tố liên quan đến quyết định tiêm vắc-xin HPV của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội năm 2023.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên đang học tại Trường Đại học Y Hà Nội được lựa chọn nghiên cứu theo tiêu chuẩn sau:

- Tiêu chuẩn lựa chọn: trong độ tuổi khuyến nghị tiêm phòng HPV (từ 18-26 tuổi).

*Tác giả liên hệ
Email: lexuanhung@hmu.edu.vn **Điện thoại:** (+84) 911196443 **Https:**//doi.org/10.52163/yhc.v66iCD4.2336

- Tiêu chuẩn loại trừ: sinh viên mắc các bệnh lý mạn tính hoặc có tình trạng sức khỏe ảnh hưởng đến thói quen ăn uống.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu mô tả và cắt ngang (cross-sectional study).

- Cỡ mẫu và cách chọn mẫu:

Tính cỡ mẫu bằng cách áp dụng công thức cho 1 tỉ lệ:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \times \frac{p \times (1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu nghiên cứu tối thiểu; α là mức ý nghĩa thống kê, chọn α = 0,05; $Z_{1-\alpha/2}$ là hệ số tin cậy theo α, với α = 0,05, có $Z_{1-\alpha/2}$ = 1,96; p là tỉ lệ nhận thức về vắc-xin HPV ước tính theo số liệu của Liu Y và cộng sự về kiến thức, thực hành và thái độ về tiêm phòng HPV của sinh viên đại học tại Bắc Kinh, lấy p = 0,5 [6]; d = 0,08 (độ chính xác kỳ vọng).

Thay giá trị các chỉ số vào công thức trên, tính được n = 150. Bổ sung 10% để đề phòng việc đối tượng từ chối tham gia nghiên cứu và những phiếu không đạt yêu cầu, sẽ được cỡ mẫu nghiên cứu sau khi tính toán và làm tròn là n = 313.

- Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu thuận tiện.

2.3. Phương pháp thu thập thông tin

Dữ liệu được thu thập bằng bảng câu hỏi tự điền, gồm:

- Thông tin chung: bao gồm các câu hỏi về tuổi, giới tính, hệ đào tạo, năm học, và tình trạng sức khỏe chung của sinh viên.

- Thực trạng sử dụng vắc-xin HPV: tập trung vào các câu hỏi về tần suất tiêm phòng, loại vắc-xin đã sử dụng, và lý do quyết định tiêm hoặc không tiêm vắc-xin HPV.

- Kiến thức và thái độ về vắc-xin HPV: được đánh giá thông qua thang điểm Likert từ 1 đến 5, với 1 là "hoàn toàn không đồng ý" và 5 là "hoàn toàn đồng ý", nhằm khảo sát mức độ đồng ý của sinh viên đối với các nhận định về vắc-xin HPV và bệnh lý liên quan.

- Yếu tố nhân khẩu học: các thông tin về nơi ở, thói quen tiêu thụ thông tin (qua Internet, gia đình, bạn bè,…).

2.4. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu đã được làm sạch trước khi nhập liệu và trong khi nhập liệu. Số liệu điều tra được nhập vào máy tính và xử lý, phân tích bằng phần mềm Stata 17 (sử dụng các test thống kê: tính tần suất, tỉ lệ %, hồi quy logistic, χ^2 test).

2.5. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua Hội đồng Trường Đại học Y Hà Nội. Sinh viên tham gia nghiên cứu đều được cung cấp thông tin đầy đủ và tự nguyện ký cam kết tham gia. Thông tin của sinh viên được bảo mật và chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 313)

Nội dung		Số lượng	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	119	38,0
	Nữ	194	62,0
Sinh viên	Hệ bác sĩ	126	40,3
	Hệ cử nhân	187	59,7
Nơi ở trước khi vào trường	Thành thị	165	52,7
	Nông thôn	148	47,3
Nơi ở hiện tại	Ở với gia đình	69	22,1
	Ký túc xá	104	33,2
	Thuê trọ, khác	140	44,7

Bảng 1 trình bày đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu, trong đó nữ sinh viên chiếm tỉ lệ cao hơn nam (62% so với 38%). Sinh viên hệ cử nhân chiếm tỉ lệ cao hơn sinh viên hệ bác sĩ (59,7% so với 40,3%). Về nơi ở trước khi vào trường, phần lớn sinh viên đến từ thành thị, chiếm 52,7%. Nơi ở hiện tại, sinh viên ở ký túc xá (33,2%) và ở với gia đình (22,1%), còn lại thuê trọ hoặc nơi ở khác (44,7%).

Bảng 2. Mô tả kiến thức của sinh viên về HPV (n = 313)

Kiến thức về HPV		Nam	Nữ	p
Nghe thông tin về HPV	Đã nghe	73 (23,3%)	175 (55,9%)	0,000
	Chưa được nghe	46 (14,7%)	19 (6,1%)	
Nghe thông tin về HPV ở đâu	Bạn bè	35 (11,2%)	106 (33,9%)	0,000
	Người thân	29 (9,3%)	94 (30,0%)	0,000
	Nhân viên y tế	33 (10,5%)	76 (24,3%)	0,039
	Đài, báo	24 (7,7%)	67 (21,4%)	0,007
	Internet	50 (16,0%)	128 (40,9%)	0,000
	Khác (ghi rõ)	1 (0,3%)	1 (0,3%)	0,726

Kiến thức về HPV		Nam	Nữ	p
HPV có thể gây ra các bệnh lý	Ung thư cổ tử cung	70 (22,4%)	171 (54,6%)	0,000
	Ung thư vòm họng	36 (11,5%)	77 (24,6%)	0,091
	Ung thư dương vật	34 (10,9%)	89 (28,4%)	0,002
	Ung thư hậu môn	37 (11,8%)	93 (29,7%)	0,003
	Ung thư âm đạo	29 (9,3%)	94 (30,0%)	0,000
	Sùi mào gà	33 (10,5%)	103 (32,9%)	0,000
	Không biết	0	2 (0,6%)	0,266
Con đường lây truyền	Qua máu người bệnh	12 (3,8%)	30 (9,6%)	0,175
	Từ mẹ sang con	22 (7,0%)	53 (16,9%)	0,076
	Vết thương hở	20 (6,4%)	60 (19,2%)	0,005
	Dùng chung quần áo chăn mền, đồ dùng cá nhân	35 (11,2%)	82 (26,2%)	0,022
	Dụng cụ y tế không vệ sinh	33 (10,5%)	89 (28,4%)	0,001
	Qua đường tình dục	65 (20,8%)	166 (53,0%)	0,000
	Không biết	3 (1,0%)	8 (2,6%)	0,455
Nếu bị nhiễm HPV sẽ mang virus suốt đời	Đúng	53 (16,9%)	111 (35,5%)	0,164
	Sai	20 (6,4%)	64 (20,4%)	
Nhiễm HPV có thể tự khỏi không cần điều trị	Đúng	24 (7,7%)	69 (22,0%)	0,331
	Sai	49 (15,7%)	106 (33,9%)	
Nhiễm virus HPV có thể điều trị bằng kháng sinh	Đúng	16 (5,1%)	60 (19,2%)	0,054
	Sai	57 (18,2%)	115 (36,7%)	

Bảng 2 mô tả kiến thức của sinh viên về HPV. Nữ sinh viên biết về HPV (55,9%) cao hơn nam (23,3%) và hiểu rõ hơn về bệnh lý do HPV gây ra như ung thư cổ tử cung (54,6% so với 22,4%) và sùi mào gà (32,9% so với 10,5%). Nhận thức về lây truyền qua đường tình dục cũng cao hơn ở nữ (53,0% so với 20,8%).

Bảng 3. Kiến thức của sinh viên về vắc-xin HPV (n = 313)

Kiến thức về vắc-xin HPV		Nam	Nữ	p
Đã biết về vắc-xin tiêm phòng HPV chưa	Đã biết	56 (17,9%)	156 (49,8%)	0,000
	Chưa biết	63 (20,1%)	38 (12,1%)	
Độ tuổi được khuyến nghị tiêm phòng vắc-xin HPV	9-15 tuổi	1 (0,3%)	3 (1,0%)	0,975
	9-26 tuổi	34 (10,9%)	90 (28,8%)	
	18-26 tuổi	13 (4,2%)	43 (13,4%)	
	Chỉ cần đủ 18 tuổi	7 (2,2%)	17 (5,4%)	
	Không biết	1 (0,3%)	5 (1,6%)	
Đối tượng cần tiêm phòng vắc-xin HPV	Nữ	19 (6,1%)	38 (12,1%)	0,330
	Cả nam và nữ	37 (11,8%)	117 (37,4%)	
	Không biết	0	1 (0,3%)	
Lợi ích của tiêm phòng vắc-xin HPV	Phòng ngừa ung thư khác (âm đạo, âm hộ, miệng, hầu họng, hậu môn)	41 (13,1%)	120 (38,3%)	0,000
	Phòng ngừa các bệnh lây truyền qua đường tình dục	36 (11,5%)	113 (36,1%)	0,000
	Hiệu quả phòng bệnh cao	24 (7,7%)	69 (22,0%)	0,004
	Bảo vệ cộng đồng (giảm sự lây lan của virus HPV)	30 (9,6%)	73 (23,3%)	0,023

Bảng 3 cho thấy nữ sinh viên có mức độ nhận thức về vắc-xin HPV cao hơn nam giới (49,8% so với 17,9%). Độ tuổi tiêm phòng vắc-xin HPV chủ yếu từ 9-26 tuổi, với tỉ lệ nhận thức đúng cao hơn ở nữ (28,8% so với 10,9% nam). Phần lớn sinh viên nữ (37,4%) cho rằng cả nam và nữ cần tiêm, trong khi chỉ 11,8% nam sinh viên đồng ý.

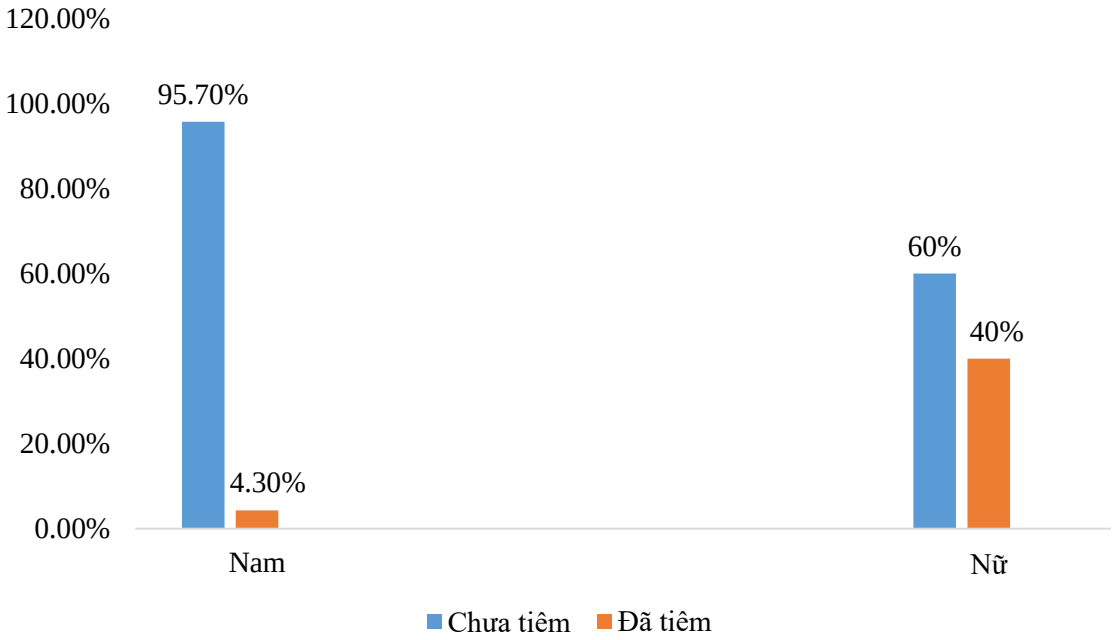

Biểu đồ 1. Thực trạng tiêm phòng HPV của sinh viên

Biểu đồ 1 cho thấy tỉ lệ sinh viên nam chưa tiêm vắc-xin HPV cao hơn đáng kể so với nữ, với 95,7% chưa tiêm. Tuy nhiên, tỉ lệ nữ sinh viên đã tiêm vắc-xin cao hơn nam (40% so với 4,3%), mặc dù vẫn còn một tỉ lệ lớn (60%) sinh viên nữ chưa tiêm.

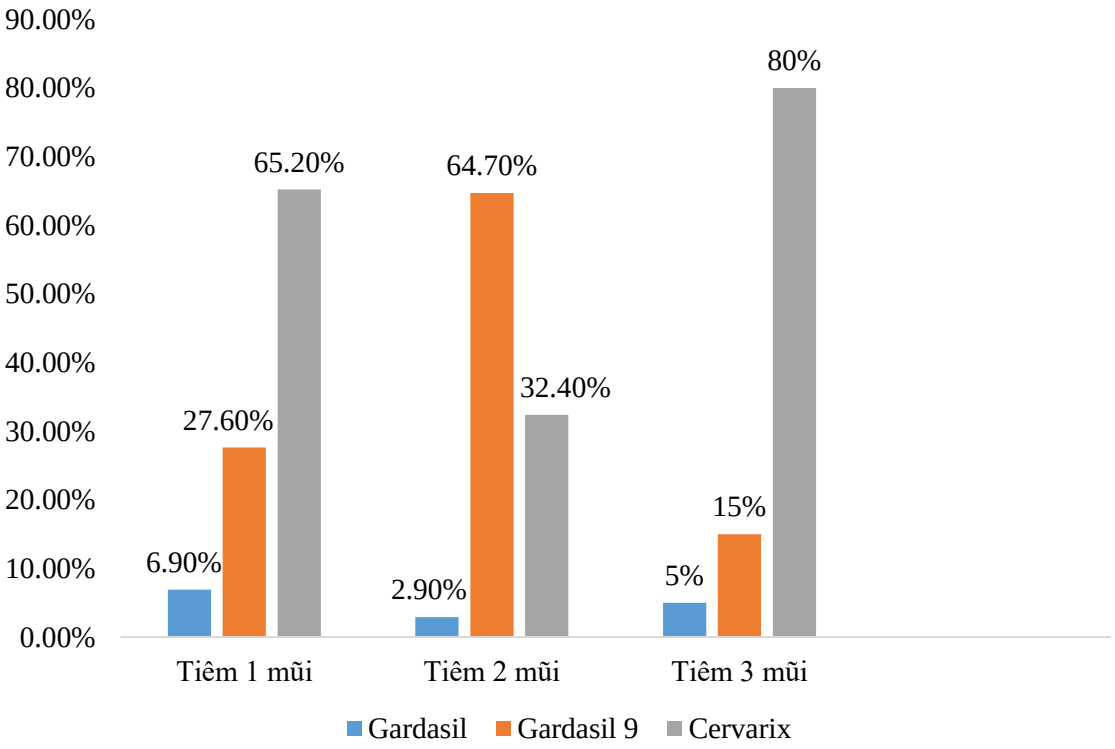

Biểu đồ 2. Loại vắc-xin HPV đã tiêm của sinh viên

Biểu đồ 2 cho thấy vắc-xin Cervarix được tiêm nhiều nhất, đặc biệt là với những sinh viên tiêm 1 mũi và 3 mũi. Vắc-xin Gardasil và Gardasil 9 có tỉ lệ tiêm ít hơn, chủ yếu là các trường hợp tiêm 2 mũi. Vắc-xin Cervarix vượt trội ở các trường hợp tiêm 3 mũi.

Bảng 4. Yếu tố liên quan đến quyết định tiêm phòng vắc-xin HPV

Nội dung		Nam	Nữ	p
Lý do quyết định tiêm vắc-xin HPV	Phòng ngừa ung thư cổ tử cung (n = 184)	47 (25,5%)	137 (74,5%)	0,000
	Phòng ngừa ung thư khác (âm đạo, âm hộ, miệng, hầu họng, hậu môn) (n = 161)	41 (25,5%)	120 (74,5%)	0,000
	Phòng ngừa các bệnh lý liên quan (mầm bệnh sinh dục, sùi mào gà…) (n = 149)	36 (24,2%)	113 (75,8%)	0,000
	Khác (n = 93)	24 (25,8%)	69 (74,2%)	0,000
Lý do quyết định không tiêm vắc-xin HPV	Giá thành cao (n = 135)	40 (29,6%)	95 (70,4%)	0,008
	Giới tính nam không cần tiêm (n = 83)	80 (96,4%)	3 (3,6%)	0,000
	Chưa quan hệ tình dục (n = 79)	29 (36,7%)	50 (63,3%)	0,781
	Lo ngại tác dụng phụ (n = 50)	10 (20%)	40 (80%)	0,004
	Hiệu quả của vắc-xin (n = 29)	13 (44,8%)	16 (55,2%)	0,428
	Sợ tiêm (n = 63)	2 (3,2%)	61 (96,8%)	0,000
	Tiêm quá nhiều lần (n = 40)	13 (32,5%)	27 (67,5%)	0,441
	Phụ huynh không cho tiêm (n = 5)	3 (60,0%)	2 (40,0%)	0,307
	Khác (n = 79)	22 (27,8%)	57 (72,2%)	0,031

Bảng 4 cho thấy lý do tiêm vắc-xin HPV chủ yếu là phòng ngừa ung thư cổ tử cung và các ung thư khác, với tỉ lệ nữ sinh viên cao hơn ($p < 0,05$). Lý do không tiêm vắc-xin HPV chủ yếu là giá thành cao, đặc biệt đối với sinh viên nữ (70,4% so với 29,6%, $p < 0,05$). Sinh viên nam có tỉ lệ cao cho rằng nam giới không cần tiêm (96,4%), trong khi tỉ lệ này ở nữ sinh viên thấp (3,6%, $p < 0,05$). Sinh viên nữ cũng lo ngại về tác dụng phụ của vắc-xin cao hơn so với nam (80% so với 20%, $p = 0,004$).

Bảng 5. Mối liên quan giữa quyết định tiêm phòng HPV và các yếu tố nhân khẩu học

Yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tiêm phòng		Dự định tiêm		OR (95%CI)	p
		Có (n = 140)	Không (n = 97)		
Giới tính	Nam	31 (22,1%)	84 (86,6%)	3,33 (2,505-4,163)	0,000
	Nữ	109 (77,9%)	13 (13,4%)		
Sinh viên	Hệ bác sĩ	46 (19,4%)	44 (18,6%)	0,13 (0,002-0,254)	0,054
	Hệ cử nhân	94 (39,7%)	53 (22,3%)		
Nơi ở trước đây	Nông thôn	72 (51,4%)	59 (60,8%)	1,15 (0,298-2,008)	0,008
	Thành thị	68 (48,6%)	38 (39,2%0		
Nơi ở hiện tại	Ở với gia đình	34 (24,3%)	18 (18,6%)	0,08 (-0,403-0,563	0,745
	Kí túc xá	42 (30%)	39 (40,2%)		
	Thuê trọ, khác	64 (45,7%)	40 (41,2%)		
Các phương tiện truyền thông, Internet	Có	51 (36,4%)	72 (74,2%)	1,735 (0,896-2,575)	0,000
	Không	89 (63,6%)	25 (25,8%)		
Gia đình, người thân, bạn bè	Có	44 (31,4%)	52 (53,6%)	0,014 (-0,791-0,820)	0,973
	Không	96 (68,6%)	45 (46,4%)		

Bảng 5 cho thấy tỉ lệ nữ sinh viên quyết định tiêm vắc-xin HPV cao hơn nam sinh viên ($p < 0,05$), với nam sinh viên có nguy cơ không tiêm cao gấp 3,33 lần. Sinh viên ở nông thôn có xu hướng tiêm vắc-xin HPV cao hơn so với sinh viên ở thành thị (OR = 1,15, $p = 0,008$).

Các yếu tố như ngành học, nơi ở hiện tại, và ảnh hưởng từ gia đình, bạn bè không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Sinh viên tiếp cận thông tin qua Internet có tỉ lệ quyết định tiêm cao hơn ($p < 0,05$).

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu này chỉ ra rằng nhận thức về HPV và tiêm vắc-xin HPV của sinh viên tại Trường Đại học Y Hà

Nội có sự khác biệt rõ rệt giữa các giới tính, với nữ sinh viên có kiến thức và thái độ tích cực hơn nhiều so với nam sinh viên. Kết quả cho thấy 96,4% nam sinh viên cho rằng giới tính nam không cần tiêm vắc-xin HPV, trong khi chỉ có 3,6% nữ sinh viên chia sẻ quan điểm này. Tương tự, Dai Z và cộng sự (2022) trong một nghiên cứu tại Trung Quốc cũng phát hiện ra sự chênh lệch lớn trong thái độ đối với tiêm vắc-xin HPV giữa nam và nữ sinh viên, với nữ giới thể hiện sự sẵn sàng cao hơn khi nhận thức được nguy cơ và tầm quan trọng của việc tiêm phòng HPV [2].

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy nữ sinh viên có kiến thức vững vàng về HPV, với 54,6% nữ sinh viên nhận biết rằng HPV có thể gây ra ung thư cổ tử cung, trong khi chỉ có 22,4% nam sinh viên có kiến thức tương tự. Kết quả này phản ánh một xu hướng đã được ghi nhận trong nghiên cứu của Ngô Thị Huyền (2023), khi nữ sinh viên có mức độ hiểu biết cao hơn về HPV và vắc-xin HPV [7]. Tuy nhiên, một số sinh viên, đặc biệt là sinh viên nam, vẫn nhầm lẫn về các con đường lây truyền của HPV, với 28,4% nữ sinh viên cho rằng HPV có thể lây qua dụng cụ y tế không vệ sinh. Điều này cho thấy sự thiếu sót trong việc cung cấp thông tin đầy đủ về các phương thức lây truyền HPV, đặc biệt là tại các môi trường học đường, nơi có thể tác động mạnh mẽ đến hành vi của sinh viên.

Khi khảo sát thái độ về tiêm vắc-xin HPV, chúng tôi nhận thấy nữ sinh viên có thái độ tích cực hơn rất nhiều so với nam sinh viên đối với việc tiêm vắc-xin. Trong khi tỉ lệ nam sinh viên sẵn sàng tiêm chỉ là 25,5%, tỉ lệ này ở nữ sinh viên lên đến 74,5%. Sự khác biệt này cũng được phản ánh trong nghiên cứu của Khatiwada M và cộng sự (2021), khi nữ sinh viên Indonesia cho thấy thái độ tích cực hơn rất nhiều so với nam sinh viên về tiêm phòng HPV [8]. Tuy nhiên, dù thái độ tích cực là yếu tố quan trọng, thì tỉ lệ tiêm vắc-xin thực tế vẫn thấp. Trong nghiên cứu của Liu Y và cộng sự (2019), chỉ có 9,5% nữ sinh viên ở Bắc Kinh đã thực hiện tiêm vắc-xin HPV, mặc dù họ hiểu rõ tầm quan trọng của vắc-xin này [4].

Chúng tôi phát hiện ra yếu tố giá thành và lo ngại về tác dụng phụ là những rào cản lớn đối với việc tiêm vắc-xin HPV. Cụ thể, 70,4% nữ sinh viên không tiêm vắc-xin vì lý do giá cao, trong khi 96,4% nam sinh viên cho rằng nam giới không cần tiêm vắc-xin HPV. Tương tự, các nghiên cứu của Sallam M (2022) [9] và Khatiwada M (2021) [8] cũng chỉ ra rằng chi phí vắc-xin và thiếu thông tin đầy đủ là những yếu tố chính cản trở việc tiêm vắc-xin HPV tại nhiều quốc gia. Đặc biệt, ở các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, sự thiếu thốn về thông tin và sự khan hiếm của vắc-xin HPV khiến nhiều người chưa thực hiện tiêm phòng, mặc dù họ nhận thức được tầm quan trọng của nó trong việc phòng ngừa ung thư cổ tử cung và các bệnh lý liên quan đến HPV.

5. KẾT LUẬN

Những kết quả trên cho thấy một sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ sinh viên trong nhận thức và thái độ đối với HPV và tiêm vắc-xin HPV. Mặc dù nữ sinh viên có kiến thức và thái độ tích cực hơn, tỉ lệ tiêm vắc-xin vẫn thấp, chủ yếu do các yếu tố như giá thành cao, lo ngại về tác dụng phụ và thiếu thông tin đầy đủ. Các chiến lược giáo dục sức khỏe cần được triển khai mạnh mẽ hơn, đặc biệt là trong môi trường học đường, nhằm nâng cao kiến thức và thay đổi hành vi của sinh viên về HPV và vắc-xin phòng HPV. Việc khuyến khích tiêm vắc-xin không chỉ giúp ngăn ngừa ung thư cổ tử cung mà còn góp phần giảm thiểu các bệnh lý do HPV gây ra ở cả nam và nữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Human *Papillomavirus* vaccines: WHO position paper, May 2017, Recommendations, Vaccine, 2017 Oct 13, 35 (43): 5753-5.

[2] Dai Z, Si M, Su X, Wang W, Zhang X, Gu X et al, Willingness to human *Papillomavirus* (HPV) vaccination and influencing factors among male and female university students in China, J Med Virol, 2022 Jun, 94 (6): 2776-86.

[3] Xin H.N, Li H.J, Li Z, Li X.W et al, Genital HPV infection among heterosexual and homosexual male attendees of sexually transmitted diseases clinic in Beijing, China, Epidemiol Infect, 2017 Oct, 145 (13): 2838-2847.

[4] Liu Y, Di N, Tao X, Knowledge, practice and attitude towards HPV vaccination among college students in Beijing, China, Hum Vaccin Immunother, 2019 Aug 8, 16 (1): 116-23.

[5] Trương Thị Ánh Nguyệt và cộng sự, Tình hình tiêm vắc-xin HPV của sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe tại Đà Nẵng, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng [Internet], 2023 [cited 2023 Sep 24], 21 (3), Available from: https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/8157/5813.

[6] Liu Y, Di N, Tao X, Knowledge, practice and attitude towards HPV vaccination among college students in Beijing, China, Hum Vaccin Immunother, 2019 Aug 8,16 (1): 116-123.

[7] Ngô Thị Huyền, Kiến thức, thái độ và sự tuân thủ tiêm phòng vaccine HPV của sinh viên điều dưỡng và y đa khoa tại Trường Đại học Đại Nam, Tạp chí Y học Việt Nam, 2023, 529 (2): 250-255.

[8] Khatiwada M, Kartasasmita C et al, Knowledge, Attitude and Acceptability of the Human *Papillomavirus* Vaccine and Vaccination Among University Students in Indonesia, Front Public Health, 2021 Jun 14, 9: 616456.

[9] Sallam M, Dababseh D, Yaseen A, Al-Haidar A, Ettarras H, Jaafreh D et al, Lack of knowledge regarding HPV and its relation to oropharyngeal cancer among medical students, Cancer Rep (Hoboken) , 2022 Jul, 5 (7): e1517.